TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HẠ HOÀ- TỈNH PHÚ THỌ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- T***hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Thát.
- Ông Hoàng Đình Đức.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Mạnh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Hồng Q (Trương Thị Hồng Q) ,** sinh năm 1979.
Địa chỉ : Khu 1, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Nguyễn D,** sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

(Chị Q có mặt, anh D có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Trương Hồng Q (Trương Thị Hồng Q) trình bày:

Chị và anh D kết hôn ngày 27/12/2002 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống

và làm nông nghiệp tại Thôn 12 xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống lúc đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở khu 1, xã M huyện H, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 12/2009 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thương H, sinh ngày 22/4/2004. Hiện cháu đang ở với chị. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

-Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Q xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình ủy thác điều tra, trong bản tự khai đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn D trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị Q đã trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống ly thân đã lâu không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh cũng xác định tình cảm không còn anh đồng ý ly hôn với chị Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thương H, sinh ngày 22/4/2004 hiện đang ở với chị Q. Sau ly hôn anh đồng ý để chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu H do chị Q không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh có đơn đề nghị TAND huyện Hạ Hòa xét xử cho chị Q được ly hôn vắng mặt anh vì hiện nay anh ở xa không có điều kiện có mặt để giải quyết vụ án.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn D có mặt để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh D được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 - BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Hồng Q (Trương Thị Hồng Q) và anh Nguyễn D kết hôn ngày 27/12//2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được UBND xã T, huyện B đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn 12, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và làm nông nghiệp, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Chị Q và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, để các bên tự ổn định cuộc sống của mình. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng theo quan điểm của hai bên xét xử cho chị Q được ly hôn vắng mặt anh D là phù hợp quy định của pháp luật và cuộc hôn nhân thực tế của vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Q, anh D xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thương H, sinh ngày 22/4/2004 hiện nay cháu đang ở cùng chị Q. Tại phiên tòa hôm nay sau khi công bố các tài liệu chứng cử sau khi được ủy thác điều tra do TAND huyện B, tỉnh Đắk Lắk làm việc cung cấp về quan điểm của anh D đối với con chung sau ly hôn anh đồng ý với quan điểm chị Q để cho chị Q được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q do chị Q không yêu cầu.

[4]: Về tài sản chung , công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp chị Q, anh D đều xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay anh D vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của hai bên nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí : Chị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quá trình thụ lý, trình tự giải quyết vụ án đã tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử cho chị Q được ly hôn anh D. Giao cho chị Trương Hồng Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thương H, sinh ngày 22/4/2004 kể từ tháng 4/2018 đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Quế.

Về án phí: Chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227**,** khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Hồng Q (Trương Thị Hồng Q) được ly hôn với anh Nguyễn D.

Về con chung:

Xử: Giao cho chị Trương Hồng Q (Trương Thị Hồng Q) được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu: Nguyễn Thương H sinh ngày 22/4/2004, kể từ tháng 4 năm 2020 đến khi cháu H thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q cho cháu H.

Hai bên đều có quyền nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản, về công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Q, anh D đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay anh D vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của hai bên nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí : Chị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm,được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002158 ngày 24/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Q có mặt được quyền kháng cáo anh D vắng mặt dược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nơi cư trú , lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND xã Tân Hòa, H. Buôn Đôn, T. Đắk Lắk;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tô Mạnh Tiến